CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Siam Brothers Việt Nam

Ngày 31/12/2025	7,780 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.4%	**-3.9%**	**-7.0%**

DT thuần
Q4/25
166
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.0| 13.2%
YoY: ▼7.00| -3.8%

LN thuần
Q4/25
16.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.2| 175%
YoY: ▲ 20.2| 494%

LN sau thuế
Q4/25
17.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.20| 68.3%
YoY: ▲ 25.9| 314%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
4.0%
YoY: +/-▲ 7.2%

ROE
2025
0.6%
YoY: +/-▲ 8.0%

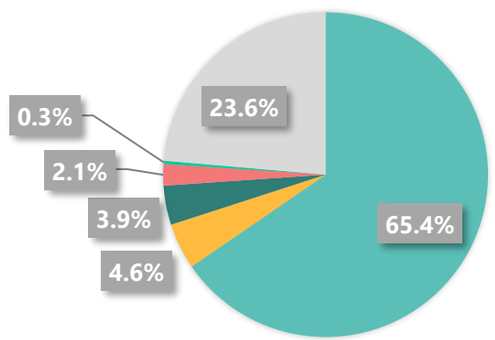
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,410 - 10,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	223
Số lượng CPLH (CP)	28,690,058
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,330
Sở hữu nước ngoài	9.9%
Beta	0.03
EPS	91
P/E	85.6

DT thuần
2025
551
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 53.0| 10.8%

LN thuần
2025
-0.83
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.6| 96.9%

LN sau thuế
2025
2.61
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 38.0| 107%

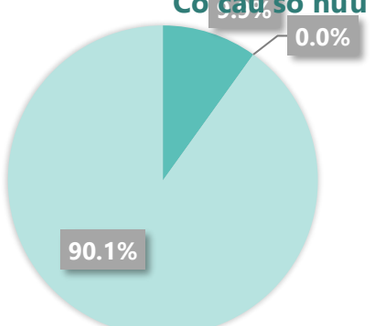
Cơ cấu cổ đông



- CTCP Đầu tư Thông Minh
- Itthapat Sawatyanon (Thành viên HĐQT)
- Veerapong Sawatyanon (Chủ tịch HĐQT)
- Pratip Sawatyanon
- Vimuttiratna Sawatyanon
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

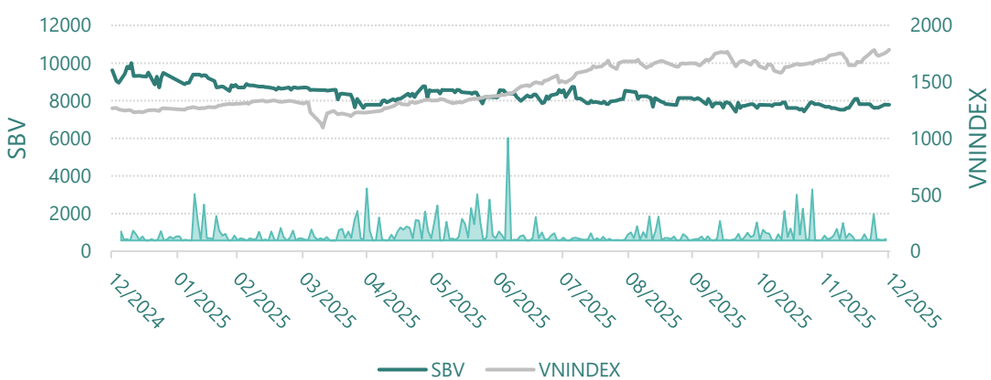
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

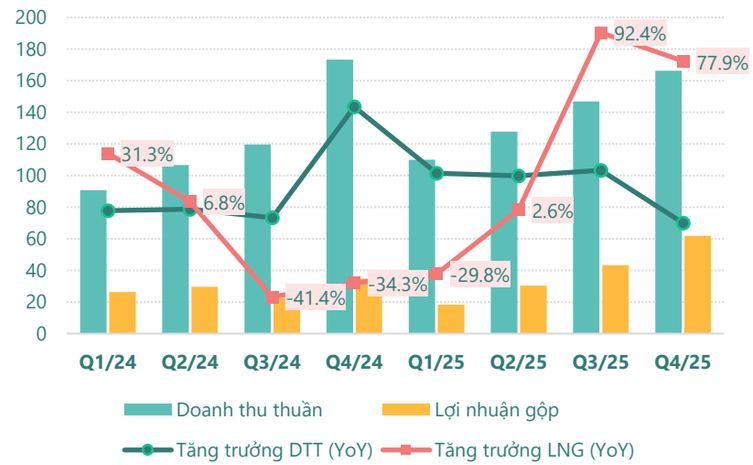
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



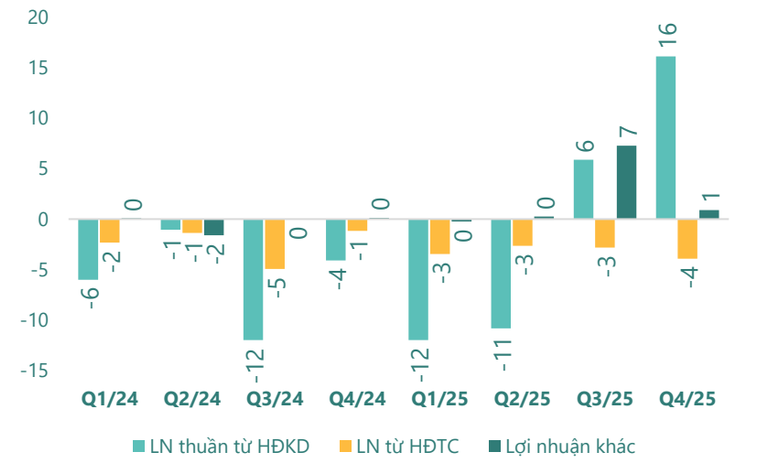
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



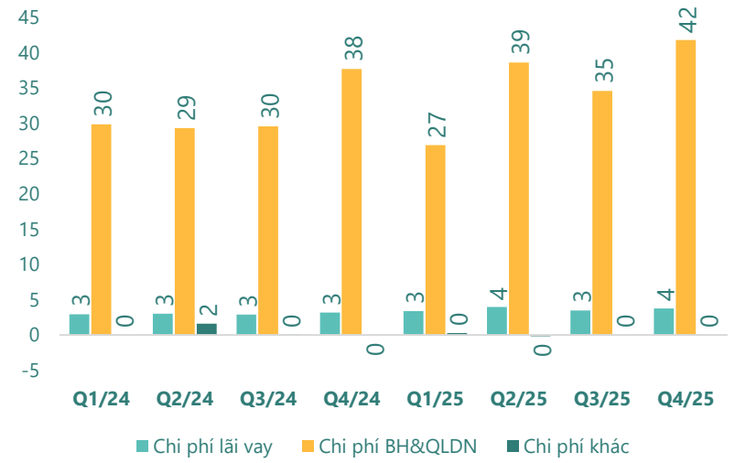
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



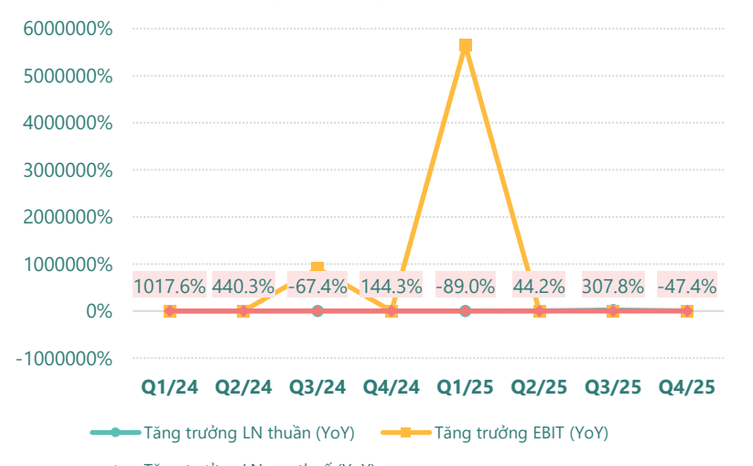
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



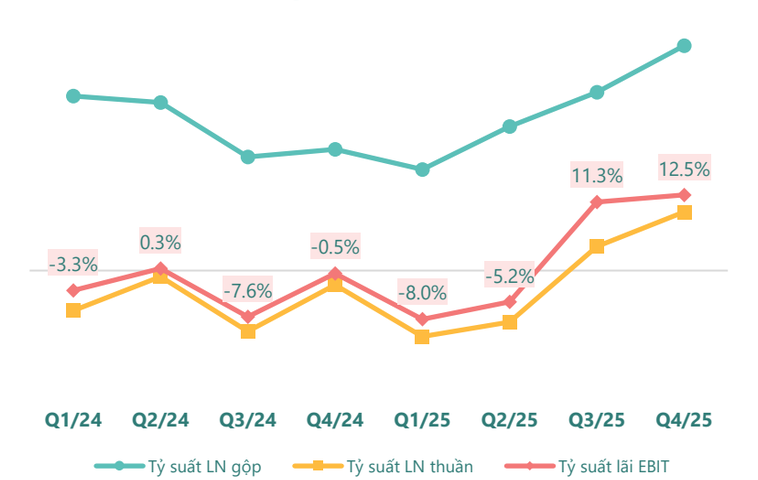
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



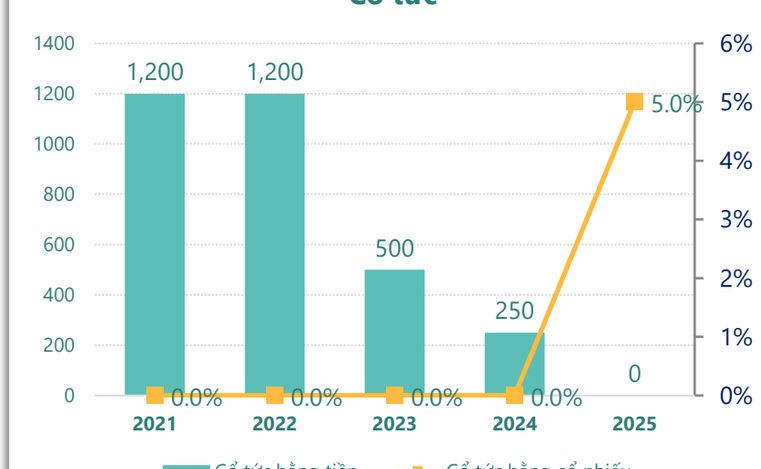
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

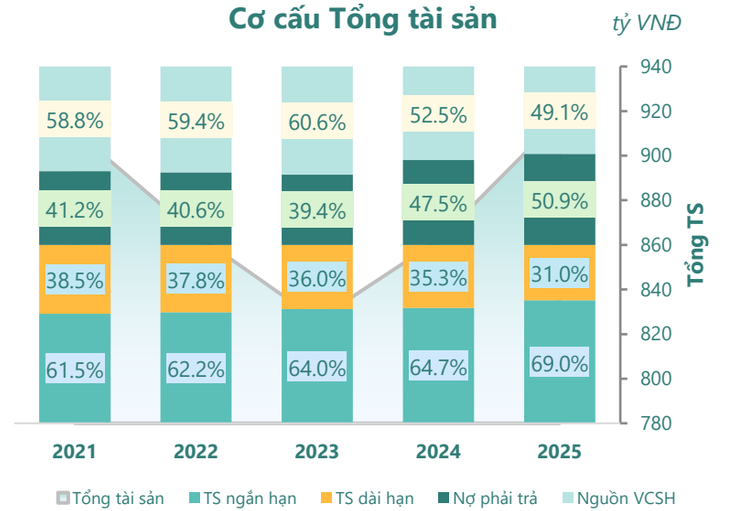
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

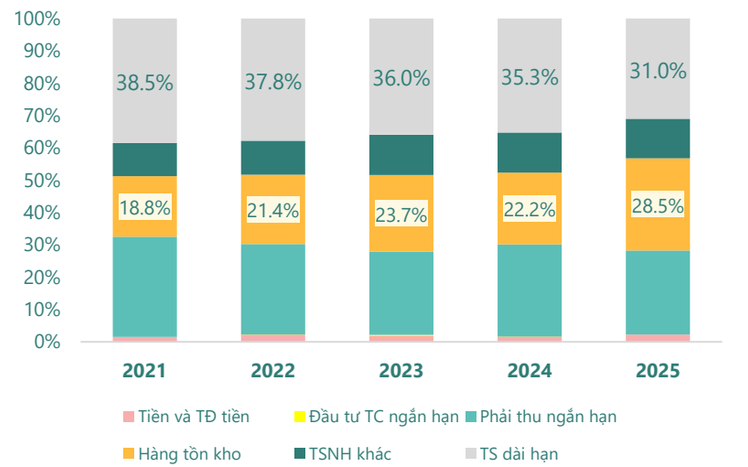
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



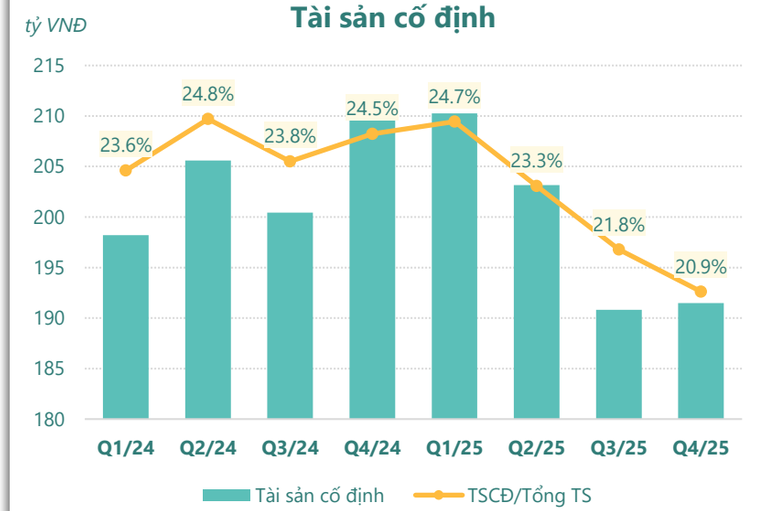
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



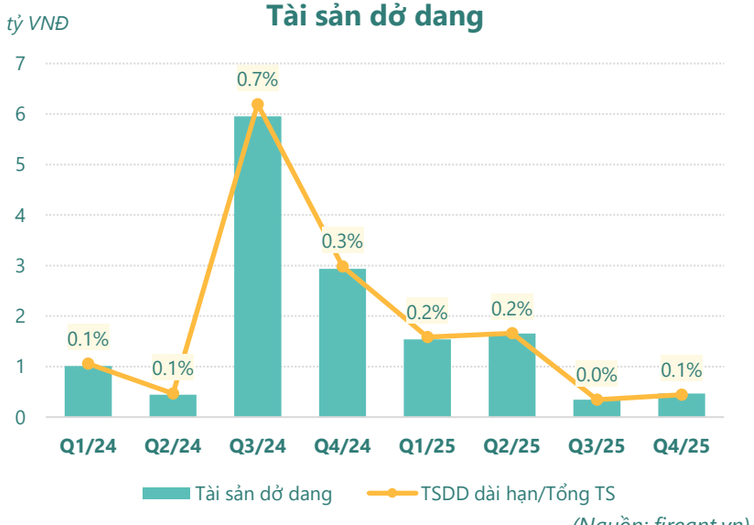
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



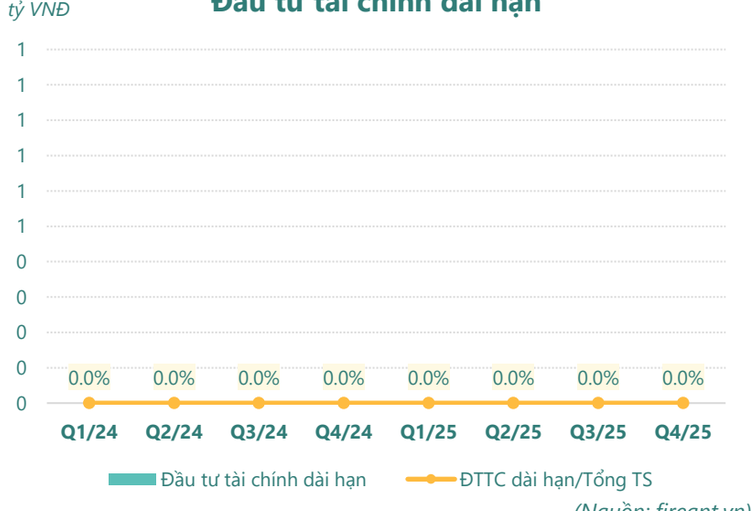
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



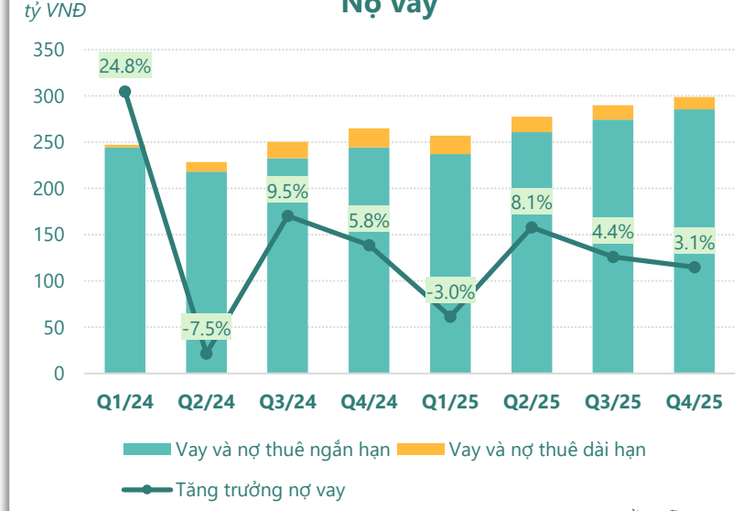
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

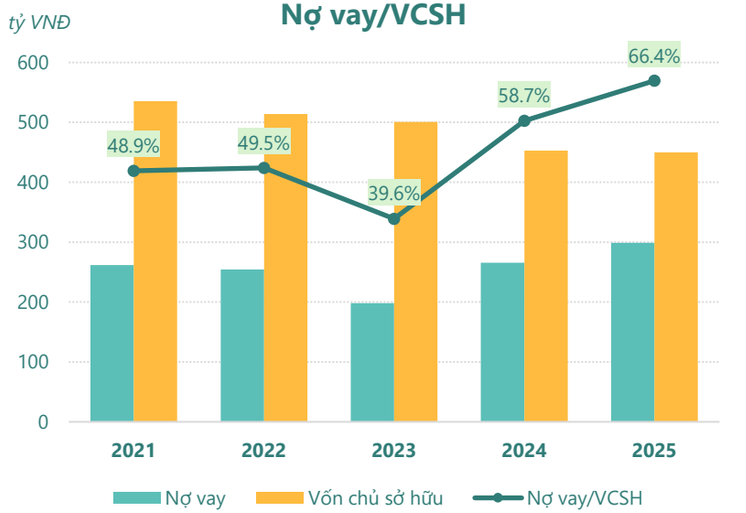
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



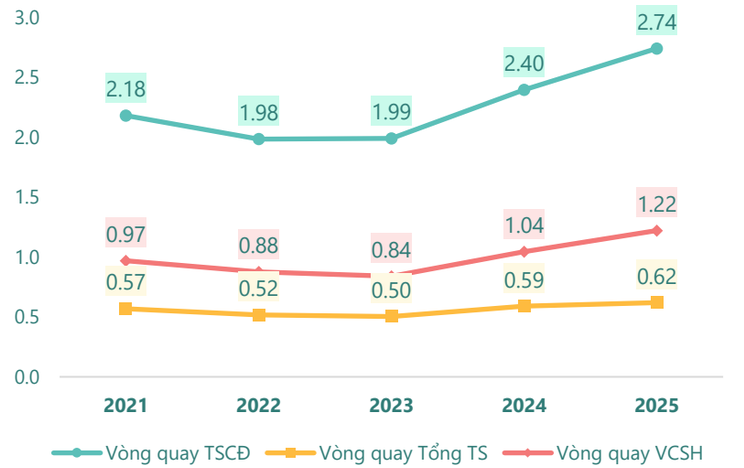
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



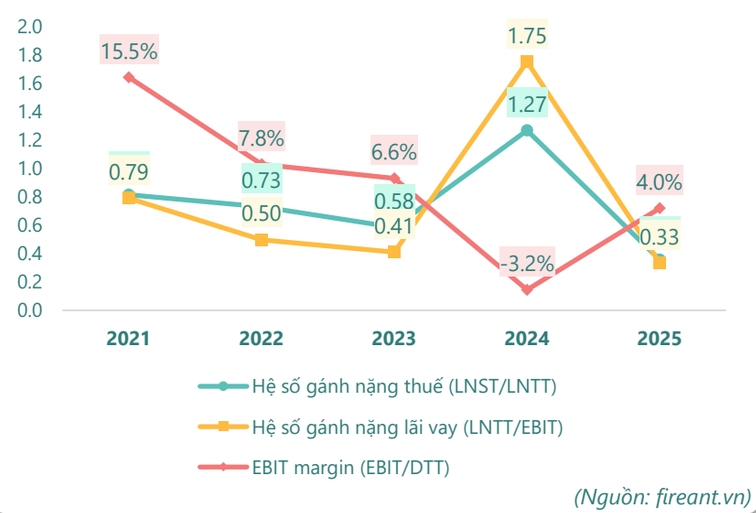
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



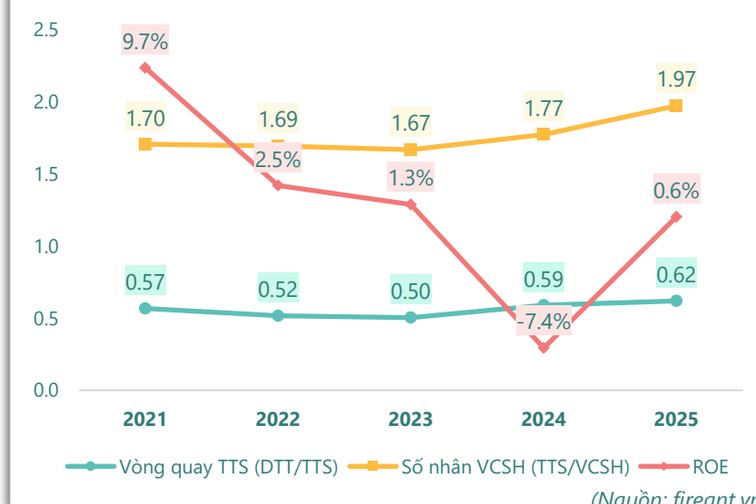
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



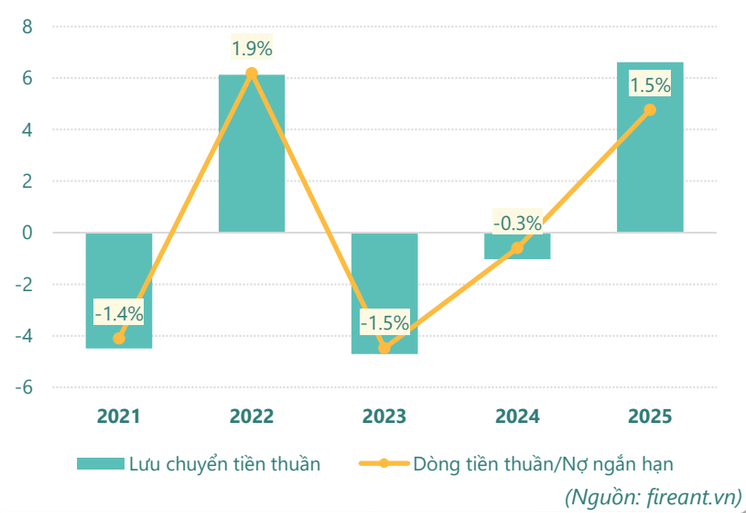
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**166**	**173**	**-3.8%**	**551**	**498**	**10.8%**
Giá vốn hàng bán	105	139	-24.8%	397	384	3.5%
Lợi nhuận gộp	61.9	34.8	77.8%	154	114	35.2%
Doanh thu HĐTC	-0.02	1.32	-101%	2.95	3.50	-15.8%
Chi phí TC	3.90	2.50	55.9%	15.8	13.6	16.5%
Chi phí lãi vay	3.78	3.18	19.0%	14.6	12.0	22.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	19.6	18.6	5.5%	77.9	71.5	8.9%
Chi phí QLDN	**22.2**	**19.1**	**16.2%**	**64.1**	**58.7**	**9.1%**
LN thuần từ HĐKD	16.1	-4.10	494%	-0.83	-26.4	96.9%
Lợi nhuận khác	**0.89**	**0.10**	**793%**	**8.16**	**-1.48**	**650%**
LN trước thuế	17.0	-4.00	526%	7.34	-27.9	126%
Lợi nhuận sau thuế	**17.7**	**-8.24**	**314%**	**2.61**	**-35.4**	**107%**
LNST của CĐ cty mẹ	**17.7**	**-8.24**	**314%**	**2.61**	**-35.4**	**107%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.37	-11.1	14.7	-12.8	-16.7	1.16
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.88	-1.96	-5.35	-1.11	-2.70	-3.78
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	14.1	6.87	-10.9	20.6	12.2	11.3
Tiền đầu kỳ	14.3	20.2	13.9	12.3	19.0	11.8
Lưu chuyển tiền thuần	**5.83**	**-6.23**	**-1.56**	**6.69**	**-7.20**	**8.69**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.14	0.00	0.00	0.00	0.08
Tiền cuối kỳ	20.2	13.8	12.3	19.0	11.8	20.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**917**	**862**	**6.3%**
Tài sản ngắn hạn	632	558	13.3%
Tiền và tương đương tiền	20.6	13.9	48.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	238	246	-3.0%
Hàng tồn kho	262	192	36.7%
Tài sản ngắn hạn khác	112	107	4.6%
Tài sản dài hạn	**285**	**304**	**-6.5%**
Phải thu dài hạn	3.48	3.91	-11.1%
Tài sản cố định	191	211	-9.1%
Bất động sản đầu tư	35.0	36.7	-4.7%
Tài sản dở dang	0.47	2.94	-84.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**54.1**	**50.2**	**7.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	467	410	14.1%
Nợ ngắn hạn	**453**	**391**	**15.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	285	248	15.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	78.2	63.8	22.5%
Nợ dài hạn	13.9	18.6	-25.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	13.4	18.0	-25.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**450**	**453**	**-0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**450**	**453**	**-0.7%**
Vốn điều lệ	287	274	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)